

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2020/HSST
Ngày 19/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Như V; Bà Chu Thị B.

Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Thu T- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Mai A - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 19/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2020/HSST ngày 06/4/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/QĐXXST-HS ngày 05/5/2020 và thông báo thay đổi lịch xét xử số 73 ngày 15/5/2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tiến D, sinh năm 2000.

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã Q, huyện P, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1969 và bà Lương Thị T, sinh năm 1970; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai; Vợ, con chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Hồng S, sinh năm 1999.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 11, xã Đ, huyện K, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Xuân K, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ, con chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2020 đến ngày 22/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1997; HKTT: Thôn H, xã H, huyện L, tỉnh V, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.
- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1993;
HKTT: Thôn X, xã K, huyện S, thành phố H, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 19/01/2020, tại quán cafe thư giãn số 253 đường N, phường V, thành phố B, tỉnh B, Nguyễn Tiến D và Đỗ Hồng S có hành vi chứa chấp Nguyễn Thị Ngọc T bán dâm cho Đỗ Văn T và Nguyễn Thị C bán dâm cho Nguyễn Văn C với giá 400.000đ. Đến khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày, khi T, T và C, C đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại các phòng 301 và 304 tại quán cafe thư giãn số 253 đường N, phường V, thành phố B thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: Thu tại phòng 301, 01 bao cao su đã qua sử dụng, T tự nguyện giao nộp số tiền 300.000đ và thu tại phòng 304, 01 bao cao su đã qua sử dụng, C tự nguyện giao nộp số tiền 300.000đ. Ngoài ra còn thu giữ: Số tiền 400.000đ (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000đ) do D tự nguyện giao nộp; Thu tại quầy tiếp tân 01 hộp bao cao su nhãn hiệu Vip còn nguyên và 03 bao cao su nhãn hiệu Vip chưa qua sử dụng.

Với nội dung trên, bản cáo trạng số 59/CT- VKSTPBN, ngày 06/4/2020 của Viện kiểm sát nhân thành phố Bắc Ninh truy tố Nguyễn Tiến D, Đỗ Hồng S về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1, Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là đúng và khai nhận: D làm nhân viên của quán cafe thư giãn tại số 253 đường N, phường V, thành phố B với nhiệm vụ quản lý quán, cụ thể là đi chợ, quản lý quán, sắp xếp phòng và gái bán dâm khi có khách đến mua dâm, chuẩn bị bao cao su để ở quầy phục vụ khách mua dâm. D gọi T đến quán làm nhân viên bán dâm cho khách, D bảo S đến quán làm nhân viên với nhiệm vụ nấu cơm, dọn phòng, sắp xếp phòng và gái bán dâm cho khách mua dâm khi D vắng mặt. D làm thuê cho một thanh niên tên Nguyễn Văn N ở huyện Q, tỉnh B, địa chỉ cụ thể D không biết và việc thuê này không có hợp đồng. Các nhân viên đều ăn ở tại quán, đều không biết người tên N và chưa bao giờ gặp N đến quán. Khoảng 16 giờ ngày 19/01/2020, D có việc phải đi ra ngoài nên bảo S ở lại quán khi nào có khách đến mua dâm thì thu của khách 200.000đ/người/vé rồi sắp xếp phòng, gái bán dâm cho khách. Khi D ra ngoài về, S đã đưa số tiền 400.000đ thu của khách mua dâm cho D.

Bị cáo S khai nhận: Do S có biết D, ngày 18/01/2020 D bảo S đến làm nhân viên cho quán với nhiệm vụ nấu cơm, dọn phòng, sắp xếp phòng và gái bán dâm cho khách mua dâm khi D vắng mặt. Khoảng 16 giờ ngày 19/01/2020, D có việc phải đi ra ngoài nên bảo Sơn ở quán khi nào có khách đến mua dâm thì thu của khách 200.000đ/người/vé rồi sắp xếp phòng, gái bán dâm cho khách. S đang ngồi ở quán với C, T thì T, C đến và bảo S bán cho 02 vé mua dâm, S báo giá là 200.000đ/người/vé. T và C đồng ý, T đưa cho Sơn 400.000đ để trả tiền mua dâm cho T và C (toàn bộ số tiền này là của T). Sau khi nhận tiền, S sắp xếp điều T, T lên phòng 301, điều C, C lên phòng 304 mua bán dâm. Khi D đi ra ngoài về quán, S đưa lại cho D số tiền 400.000đ S vừa thu của khách mua dâm.

Bị cáo D, S đều thừa nhận khoảng 16 giờ ngày 19/01/2020 đã có hành vi chứa chấp 2 đôi nam nữ mua bán dâm tại phòng 301, 304 quán café thư giãn tại số 253, đường N, phường V, thành phố B, khi T, C, T, C đang mua bán dâm với mục đích để thu lời bất chính, thì bị bắt quả tang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Ngọc T, chị Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện: T và C là nhân viên quán cafe thư giãn số 253 đường N, phường V, thành phố B. T biết D nên D bảo T về quán làm nhân viên bán dâm, còn C thấy có một người đàn ông có tài khoản "zalo T" gọi qua zalo bảo đến quán làm nhân viên bán dâm khi khách có nhu cầu. T, C chỉ biết D là người duy trì sinh hoạt, hoạt động của quán. D, S, T, C cùng ăn ở tại quán, ngoài ra không biết ai khác, S, T, C không biết ai tên N và chưa bao giờ gặp N. Khoảng 16 giờ, ngày 19/01/2020, khi D đi ra ngoài, C, T, S đang ngồi ở tầng 1 của số nhà 253 đường N thì có hai thanh niên đến quán, một trong hai thanh niên hỏi S bao nhiêu một vé, S bảo 200.000đ/người/1 lượt (sau biết tên là T), T đưa cho S 400.000đ tiền mua dâm của hai khách mua dâm, S cầm tiền và bảo T lên phòng 301 bán dâm cho T, C lên phòng 304 bán dâm cho C. Vào phòng T được Tuấn cho 300.000đ, C được C cho 300.000đ. Khi T, T, C, C đang thực hiện hành vi mua bán dâm ở các phòng 301, 304 của quán thì bị Công an kiểm tra bắt quả tang C, T mỗi người tự nguyện giao nộp 300.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên giữ nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến D, Đỗ Hồng S phạm tội "Chứa mại dâm".

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Tiến D từ 16 đến 18 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Đỗ Hồng S từ 14 đến 16 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho 02 bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng, 01 hộp bao cao su nhãn hiệu Vip còn nguyên; 03 bao cao su nhãn hiệu Vip chưa qua sử dụng. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1000.000đ.

Trong phần tranh luận, các bị cáo nhất trí với bản luận tội, không tham gia tranh luận với Kiểm sát viên.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin miễn phạt tiền vì các bị cáo đều đi làm thuê, nghề nghiệp không ổn định, không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo D, gia đình bị cáo có đơn xin miễn phạt bổ sung, có xác nhận của chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử thấy điều kiện về kinh tế của các bị cáo rất khó khăn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với thời gian, địa điểm, qua tranh tụng tại phiên tòa và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 16 giờ, ngày 19/01/2020, Nguyễn Tiến D là quản lý quán café thư giãn số 253 đường N, phường V, thành phố B có việc phải ra ngoài nên bảo Đỗ Hồng S là nhân viên của quán khi nào có khách đến mua dâm thì thu của khách 200.000đ/người/vé rồi sắp xếp phòng, gái bán dâm cho khách. S đã thu 400.000đ của khách mua dâm, khi D về S đưa lại số tiền này cho D. D, S đã có hành vi chứa chấp 2 đôi nam nữ mua bán dâm tại phòng 301, 304 quán café thư giãn số 253, khi T, T và C, C đang thực hiện hành vi mua bán dâm với mục đích để thu lời bất chính, thì bị bắt quả tang. Hành vi trên của các bị cáo đã phạm tội “Chứa mại dâm ” vi phạm vào khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo phạm vào tội nghiêm trọng được quy định trong Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến đạo đức, nếp sống văn minh, thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hoá, trật tự trị an xã hội, là môi trường lây lan các căn bệnh xã hội khác. Hai bị cáo là

người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chứa mại dâm bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích vụ lợi. Do vậy cần xử nghiêm khắc đối với các bị cáo, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhất định đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Hai bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Do vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Dũng có ông ngoại, bác là người có công với cách mạng được tặng thưởng giấy khen, tặng bằng vàng danh dự trong kháng chiến chống mỹ cứu nước nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng ở mức giản đơn, D là nhân viên làm nhiệm vụ quản lý quán cafe thư giãn số 253 đường N, phường V, cụ thể là quản lý quán, đi chợ, sắp xếp phòng và gái bán dâm khi có khách đến mua dâm, chuẩn bị bao cao su phục vụ khách mua dâm. D gọi T đến quán làm nhân viên bán dâm cho khách, D bảo S đến làm nhân viên tại quán với nhiệm vụ nấu cơm, dọn phòng, sắp xếp phòng và gái bán dâm cho khách mua dâm khi D đi vắng. Ngày 19/01/2020, D có việc phải đi ra ngoài nên bảo S ở lại quán khi nào có khách đến mua dâm thì thu của khách 200.000đ/người/vé rồi sắp xếp phòng, gái bán dâm cho khách. S tuy nhận thức được hành vi chứa chấp mua bán dâm là vi phạm pháp luật nhưng vẫn làm, S đã thu tiền, sắp xếp phòng, điều gái bán dâm lên phòng bán dâm cho khách, khi D về S đưa lại số tiền đã thu của khách mua dâm cho D. S, D có hành vi chứa chấp 2 đôi nam nữ T, T và C, C mua bán dâm tại phòng 301, 304 của quán, khi hai đôi nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm với mục đích để thu lời bất chính, thì bị bắt quả tang. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi chứa mại dâm bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích vụ lợi. Trong vụ án này bị cáo D giữ vai trò chính, bị cáo S giữ vai trò thứ hai giúp sức cho D.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo và cân nhắc những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đối chiếu với các quy định pháp luật và xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, biết tuân thủ pháp luật.

[5] Hình phạt bổ sung: Hành vi của các bị cáo nhằm mục đích vụ lợi do vậy ngoài hình phạt chính cần phải áp dụng thêm hình phạt phạt bổ sung là “*Phạt tiền*” theo quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự, tuy nhiên hai bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, không có tài sản, bị cáo D có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên miễn hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án: 02 bao cao su đã qua sử dụng, 01 hộp bao cao su nhãn hiệu Vip còn nguyên; 03 bao cao su nhãn hiệu Vip chưa qua sử dụng, xét thấy đây là những đồ vật các đối tượng đã sử dụng và chuẩn bị sử dụng cho việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; số tiền 1000.000đ là tiền các đối tượng có được do mua bán dâm và chứa mại dâm nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Liên quan đến vụ án có Nguyễn Văn N, D khai N là chủ quán cafe thư giãn số 253 đường N, phường V, thành phố B, tỉnh B. N thuê D để thực hiện việc chứa mại dâm. Quá trình xác minh với chị Đỗ Thị Hồng V là chủ nhà. N có ký hợp đồng thuê nhà mục đích để ở và kinh doanh, hiện nay N không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì địa phương và gia đình không biết, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa làm rõ được khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Thị C có hành vi bán dâm, Công an thành phố B đã ra quyết định xử lý hành chính với hình thức cảnh cáo, xét thấy việc xử lý hành chính như trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với các đối tượng Đỗ Văn T, Nguyễn Văn C có hành vi mua dâm, sau khi bị bắt đưa về trụ sở Công an thành phố B, lợi dụng sơ hở hai đối tượng đã bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã điều tra, xác minh làm rõ tại Công an phường V và Công an phường H là nơi hai đối tượng khai nhận cư trú nhưng không có đối tượng nào có nhân thân như trên, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Chị Đỗ Thị Hồng V là chủ sở hữu ngôi nhà số 253, đường N, phường V, thành phố B, quá trình xác minh chị V không biết các đối tượng thuê nhà chị để thực hiện hành vi mua bán dâm tại nhà nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Vân.

Tài khoản “zalo tên T”, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tiến hành kiểm tra điện thoại di động của C, thấy điện thoại không còn lưu tài khoản “zalo T”, C không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể, khi nào Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B xác định được đối tượng này là ai, làm rõ được xử lý sau.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến D, Đỗ Hồng S phạm tội “ *Chứa mại dâm*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Tiến D 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 19/01/2020. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án 19/5/2020 để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Đỗ Hồng S 14 (Mười bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2020 đến ngày 22/01/2020.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho 02 bị cáo.

4. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 1000.000đ.

Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng, 01 hộp bao cao su nhãn hiệu Vip còn nguyên; 03 bao cao su nhãn hiệu Vip chưa qua sử dụng. (Theo đúng biên bản giao nhận tài sản, vật chứng giữa Công an thành phố B và Chi cục thi hành án dân sự thành phố B ngày 06/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B).

5. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt kết quả bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thành phố Bắc Ninh;
- CCTHADS thành phố Bắc Ninh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hồng

